

Số : 35 /QĐ-THPTĐS

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách  
Quý 1 năm 2025 của Trường THPT Đồ Sơn

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỒ SƠN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9//2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ban hành Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ Văn Phòng-KTPL-TD,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách và các nguồn thu dịch vụ quý 1 năm 2025 của Trường THPT Đồ Sơn (theo biểu đính kèm mẫu số 04).

Hình thức công khai:

- Trên bảng thông tin nhà trường;
- Trên Cổng thông tin điện tử của Trường THPT Đồ Sơn

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ông (bà) phụ trách Tổ Văn phòng-KTPL-TD, các bộ phận có liên quan thuộc trường và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VP



Nguyễn Đức Đại

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Đô Sơn

Chương: 422



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng., ngày 10 tháng 4 năm 2025

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

**Quý I năm 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí	3.247	1.865	57,44%	-0,06%
a	Thu học phí, thu dịch vụ	3.247	1.865	57,44%	-0,06%
b	Thu sự nghiệp khác				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
1	Chi sự nghiệp	3.247	1.519	46,78%	-32,5%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.247	1.519	46,78%	-32,5%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>16.653</b>	<b>3.050</b>	<b>24,16%</b>	<b>23,7%</b>

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>16.653</b>	<b>3.050</b>	<b>24,16%</b>	<b>23,7%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>16.653</b>	<b>3.050</b>	<b>24,16%</b>	<b>23,7%</b>
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.624	3.050	24,16%	23,7%
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.029	0%	0%	0%
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
III	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				

PHÒNG QUẢN LÝ CHẾ ĐỘ